

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày: 18-01-2021.  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Ngọc Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Mai là thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Ông Lê Việt Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 1007/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Phạm Bích H**, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

**- Bị đơn:** Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- bà Phạm Bích H trình bày:

Ông bà chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/07/2001 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Theo bản tự khai đề ngày 16/12/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, bị đơn- ông Đoàn Văn T trình bày:

Ông bà chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/07/2001 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo tại Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* Ông Đoàn Văn T và bà Phạm Bích H chung sống với nhau năm 1997 và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có mâu thuẫn xảy ra nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Phạm Bích H nhưng do ông bà không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Bích H và ông Đoàn Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn- bà Phạm Bích H và bị đơn- ông Đoàn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Bích H và ông Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 08 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Bà Phạm Bích H khởi kiện tranh chấp ly hôn vì phát sinh mâu thuẫn gia đình, không hàn gắn được. Ông T cũng thừa nhận có mâu thuẫn nên bà H có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T thì ông đồng ý.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn-bà Phạm Bích H, do quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập sau ngày 03/01/1987 nên không được xem là hôn nhân thực tế mà căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Bích H và ông Đoàn Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/07/2001. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

- Tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của bà Phạm Bích H được chấp nhận nên bà Phạm Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn- bà Phạm Bích H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Bích H và ông Đoàn Văn T.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

- Tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Bích H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 005078 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, bà Phạm Bích H đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Ngọc Nam**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Ba – Lê Thị Ánh Sáng**

**Đào Ngọc Nam**

